TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:**15**/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 19/05/2022
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:
  Ông Vũ Đức Bính
  Ông Vũ Xuân Dự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2022/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 2 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H – sinh năm 1989.
Nơi ĐKHKTT: Xóm 5, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình
Hiện trú tại: Xóm 4, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H1 – sinh năm 1984.
Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 5, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.
Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn H1 đã tự nguyện kết hôn với nhau đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 10 năm 2012 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh H1 tại xóm 5, xã H được khoảng 5 tháng thì cả hai ra làm ăn và ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống một thời gian ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống nên thường xuyên xảy ra việc đánh, cãi nhau chửi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải, bản thân chị H cũng cố gắng nín

nhịn nhiều năm vì con cái, vì gia đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề hơn. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên từ đầu năm 2018 cho đến nay chị và anh H1 sống ly thân mỗi người một nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không tiếp tục sống chung được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn H1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H1 có hai con chung cháu Phạm Hoàng V, sinh ngày 31/8/2012 cháu Phạm Hoàng Q, sinh ngày 04/02/2014. Hiện các cháu đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai cháu Phạm Hoàng V và Phạm Hoàng Q cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung : Chị và anh H1 không có tài sản chung và công nợ chung nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Văn H1 hiện đang cư trú cùng bố đẻ anh H1 là ông Phạm Văn Đ tại xóm 5, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Phạm Văn H1 và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H1 thông qua ông Phạm Văn Đ là bố đẻ của anh H1. Hiện anh H1 đã biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh H1 không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Con chung của anh chị là cháu Phạm Hoàng V, sinh ngày 31/8/2012 cháu Phạm Hoàng Q, sinh ngày 04/02/2014 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến, tại bản tự khai ngày 23 tháng 2 năm 2022 cả cháu V và cháu Q trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết v ụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H ly hôn anh Phạm Văn H1

- Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Huê tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Hoàng V, sinh ngày 31/8/2012 và cháu Phạm Hoàng Q, sinh ngày 04/02/2014 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh H1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Hoàng Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Văn H1 có nơi cư trú tại: Xóm 5, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Phạm Văn H1, anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Huê có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn H1 có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 10 năm 2012 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại xóm 5, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình phân tích khuyên giải nhưng không có kết quả. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh H1 có mặt tại địa phương biết việc chị H ly hôn anh nhưng anh không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh H1 vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện việc anh H1 không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn đồng thời tìm ra các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được.

Biên bản xác minh tại chính quyền cơ sở tại địa phương thể hiện: Chị H và anh H1 có có Đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ anh H1 ở xóm 5, xã H được một thời gian khoảng 6, 7 tháng sau đó vợ chồng đi làm ăn và thỉnh thoảng có về địa phương. Quá trình anh chị sinh sống tại đại phương thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được vì không nhận được đơn thư hay báo cáo gì từ phía gia đình anh H1 chị H. Nhưng từ năm 2018 đến nay thì chị H không về nhà anh H1 nữa, chỉ có mình anh H1 về quê sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh H1 tại xóm 5, xã H. Nay chị H xin ly hôn anh H1 đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau bốn năm nay mỗi người một nơi và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có hai con chung cháu Phạm Hoàng V, sinh ngày 31/8/2012 cháu Phạm Hoàng Q, sinh ngày 04/02/2014. Hiện cả hai con chung đang ở cùng với chị H. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng đối với con chung.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Anh H1 không có quan điểm ý kiến về vấn đề giao con sau khi ly hôn. Tuy nhiên qua xem xét nguyện vọng của các con thì cả cháu V và Q đều có mong muốn ở với mẹ. Thời gian anh chị sống ly thân một mình chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung và cũng đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu. Nay để ổn định việc học tập, sinh hoạt cũng như không ảnh hưởng đến tâm, sinh lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn, Tòa án giao cả hai cháu V và Q cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Như vậy là phù hợp với nguyện vọng của các cháu đồng thời cũng đảm bảo quyền lợi của các con chưa thành niên trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung do chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng đối với con chung. Chị xác định mình có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Do vậy nay giao các con cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng V, sinh ngày 31/8/2012 và cháu Phạm Hoàng Q, sinh ngày 04/02/2014 cho chị Hoàng Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh H1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có

quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004517 ngày 21 tháng 2 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Q, huyện K,
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh